

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2016 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đình Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Số: 17.120HN/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lưu Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.21 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233.702.282.629	252.053.682.487
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	124.577.320.534	133.330.165.061
1. Tiền	111		56.578.519.367	61.196.421.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.998.801.167	72.133.743.552
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.545.610.495	118.710.637.472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	98.813.204.161	111.535.621.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		978.223.383	1.311.727.432
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	7.869.606.635	7.078.712.115
5. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(2.115.423.684)	(2.115.423.684)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.579.351.600	12.879.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.579.351.600	12.879.954
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.270.917.402	86.820.259.844
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.517.185.234	16.450.685.234
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(5.4)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	8.543.833.027	8.477.333.027
II. Tài sản cố định	220		12.095.628.839	10.480.952.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	12.095.628.839	10.480.952.208
+ Nguyên giá	222		38.555.197.567	35.417.941.814
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.459.568.728)	(24.936.989.606)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	57.658.103.329	59.888.622.402
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		56.931.953.329	59.162.472.402
2. Đầu tư dài hạn khác	253		726.150.000	726.150.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		319.973.200.031	338.873.942.331

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.790.793.061	148.876.775.410
I. Nợ ngắn hạn	310		68.843.926.061	81.929.908.410
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.8)	39.965.800.789	33.896.253.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.9)	5.441.564.433	13.758.642.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	5.679.727.361	10.776.037.133
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	800.000.000	11.586.354.846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	2.172.176.970	4.307.798.566
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	8.855.484.154	4.186.380.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.14)	5.929.172.354	3.418.441.427
II. Nợ dài hạn	330		64.946.867.000	66.946.867.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.15)	32.000.000.000	34.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	32.946.867.000	32.946.867.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.182.406.970	189.997.166.921
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	186.182.406.970	189.997.166.921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.955.270.400	4.955.270.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.000.000.000	7.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		35.867.476	43.804.284
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		463.333.012	395.049.778
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.727.936.082	87.603.042.459
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		69.684.373.959	50.967.510.152
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.043.562.123	36.635.532.307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		319.973.200.031	338.873.942.331



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		327.571.846.639	346.994.098.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	327.571.846.639	346.994.098.434
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	310.442.835.757	329.920.936.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.129.010.882	17.073.161.686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.325.320.310	6.215.994.001
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	2.422.357.320	2.799.296.049
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	(6.5)	4.439.889.763	10.152.382.946
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	7.146.931.324	6.640.978.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.324.932.311	24.001.264.484
12. Thu nhập khác	31			
13. Chi phí khác	32		97.537.005	
14. Lợi nhuận khác	40		(97.537.005)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.227.395.306	24.001.264.484
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	2.183.833.183	1.959.517.239
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.043.562.123	22.041.747.245
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		13.043.562.123	22.041.747.245
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70		992	1.997
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(5.16.4)	992	1.997



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.227.395.306	24.001.264.484
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.522.579.122	1.567.563.307
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		500.715.546	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.158.719.261)	(13.877.380.837)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.091.970.713	11.691.446.954
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.300.429.924	(21.994.908.303)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(27.716.184.838)	3.779.073.810
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.566.471.646)	(2.932.946.299)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.354.506.140)	(9.772.875.188)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(636.510.000)	(1.352.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.881.271.987)	(20.582.809.026)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.145.901.818)	(1.525.709.985)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		900.000.000	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900.000.000)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.592.950.464	11.759.197.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.447.048.646	10.233.487.906
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.16.3)	(7.200.000.000)	(12.053.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.200.000.000)	(12.053.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.634.223.341)	(22.403.199.120)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	(5.1)	133.330.165.061	140.920.449.173
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(118.621.186)	(3.534.196)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	(5.1)	124.577.320.534	118.513.715.857



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 374 nhân viên (31/12/2015: 370 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Số lượng các công ty con được hợp nhất**Công ty con trực tiếp**

Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.5. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	184 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	29,28%	29,28%
2.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25%	9,15%
3.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	51%
4.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	30%
5.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	45%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.6. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	30%	30%
2.	Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	40%	40%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 công ty liên kết chưa phát sinh lợi nhuận để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá hạch toán 22.000 đồng.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.000 đồng.

4.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

4.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.9 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11 Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước của hợp đồng hợp tác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác trên hợp đồng.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16 Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận tải quốc tế	0%
+ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.21. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.932.096.900	6.377.576.689
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.646.422.467	54.818.844.820
Các khoản tương đương tiền	67.998.801.167	72.133.743.552
Cộng	<u>124.577.320.534</u>	<u>133.330.165.061</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND và USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 30/06/2016	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 30/06/2016
		VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh:			
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9.486.897.956
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	30%	1.927.800.000	5.897.645.327
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	4.865.163.582
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	8.088.704.973
Cộng		<u>12.646.581.802</u>	<u>28.338.411.838</u>
	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 30/06/2016	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 30/06/2016
		VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết:			
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	7.472.952.491
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.912.059	19.120.589.000	19.120.589.000
	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	40%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		<u>25.512.589.000</u>	<u>28.593.541.491</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ là 9,81%.

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công nợ các đại lý nước ngoài	21.971.396.728	29.120.779.993
Công nợ Khối Đường biển	3.074.705.470	2.782.054.201
Công nợ Khối Hàng không	7.604.829.132	4.796.161.506
Công nợ Khối Logistics	5.998.913.171	6.025.226.516
Công nợ Khối Sale & Marketing	9.839.978.615	11.221.908.533
Công nợ của chi nhánh Hà Nội	42.447.682.256	50.190.407.051
<i>Cước</i>	25.049.567.092	29.012.955.383
<i>Dịch vụ</i>	13.671.293.471	16.972.207.343
<i>Thu trả hộ</i>	3.726.821.693	4.205.026.694
<i>Thu tạm ứng khách hàng</i>	-	217.631
Công nợ của chi nhánh Hải Phòng	890.468.192	352.670.530
Công ty con	1.856.815.589	2.669.869.393
Các khoản khác	5.128.415.008	4.376.543.886
Cộng	98.813.204.161	111.535.621.609

5.4. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn là 2 khoản ứng trước như sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tam ứng cho nhân viên làm hàng	6.906.075.467	-	2.794.145.268	-
Phải thu khác	963.531.168	-	4.284.566.847	-
Cộng	<u>7.869.606.635</u>	<u>-</u>	<u>7.078.712.115</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai (*)	7.558.347.027	-	7.558.347.027	-
Ký cược, ký quỹ	985.486.000	-	918.986.000	-
Cộng	<u>8.543.833.027</u>	<u>-</u>	<u>8.477.333.027</u>	<u>-</u>

(*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt Công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 6.10.

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.608.468.176	2.493.044.492	4.608.468.176	2.493.044.492

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng - 1 năm	1.714.737.558	1.200.316.291	1.714.737.558	1.200.316.291
Dư nợ từ 1 - 2 năm	2.125.355.082	1.062.215.541	2.125.355.082	1.062.215.541
Dư nợ từ 2 - 3 năm	292.757.464	87.827.239	292.757.464	87.827.239
Dư nợ từ 3 - 4 năm	175.864.816	52.759.445	175.864.816	52.759.445
Dư nợ từ 4 - 5 năm	299.753.256	89.925.976	299.753.256	89.925.976
Cộng	<u>4.608.468.176</u>	<u>2.493.044.492</u>	<u>4.608.468.176</u>	<u>2.493.044.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	8.052.973.806	1.668.890.673	24.052.208.384	1.643.868.951	35.417.941.814
Mua trong kỳ	-	-	3.145.901.818	-	3.145.901.818
Giảm khác	-	-	(3.330.000)	(5.316.065)	(8.646.065)
Tại ngày 30/06/2016	8.052.973.806	1.668.890.673	27.194.780.202	1.638.552.886	38.555.197.567

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2016	7.285.370.424	1.267.661.996	15.198.116.480	1.185.840.706	24.936.989.606
Khấu hao trong kỳ	59.079.024	68.782.050	1.298.083.131	96.634.917	1.522.579.122
Tại ngày 30/06/2016	7.344.449.448	1.336.444.046	16.496.199.611	1.282.475.623	26.459.568.728

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2016	767.603.382	401.228.677	8.854.091.904	458.028.245	10.480.952.208
Tại ngày 30/06/2016	708.524.358	332.446.627	10.698.580.591	356.077.263	12.095.628.839

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.236.696.141 đồng.

5.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Hồ Chí Minh	20.156.930.907	20.156.930.907	9.042.487.867	9.042.487.867
Chi nhánh Hà Nội	18.329.913.924	18.329.913.924	22.762.564.535	22.762.564.535
Chi nhánh Hải Phòng	1.114.360.286	1.114.360.286	1.078.183.398	1.078.183.398
Công ty con	364.595.672	364.595.672	1.013.017.412	1.013.017.412
Cộng	39.965.800.789	39.965.800.789	33.896.253.212	33.896.253.212

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.9. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công nợ đại lý nước ngoài	44.255.317	10.434.333.702
Các đối tượng khác	5.397.309.116	3.324.309.124
Cộng	<u>5.441.564.433</u>	<u>13.758.642.826</u>

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	4.476.506.764	12.919.196.803	16.799.660.920	596.042.647
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.440.113.156	2.178.527.976	5.354.506.140	1.264.134.991
Thuế thu nhập cá nhân	150.826.592	2.390.977.080	2.344.317.110	197.486.562
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.894.149.652	3.471.018.052	3.423.131.600
Các loại thuế khác	1.708.590.621	1.528.386.675	3.038.045.736	198.931.561
Cộng	<u>10.776.037.133</u>	<u>25.911.238.186</u>	<u>31.007.547.958</u>	<u>5.679.727.361</u>

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí hoa hồng	2.032.503.701	1.425.691.527
Cước vận chuyển, phí làm hàng	139.673.269	2.882.107.039
Cộng	<u>2.172.176.970</u>	<u>4.307.798.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	4.500.000.000	-
Hoa hồng phải trả đại lý	3.576.679.175	3.423.255.071
Thuế TNCN 10% hoa hồng bán hàng	-	475.410.670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	778.804.979	287.714.659
Cộng	<u>8.855.484.154</u>	<u>4.186.380.400</u>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	146.867.000	146.867.000
Cộng	<u>32.946.867.000</u>	<u>32.946.867.000</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145 - 147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 6.12.

5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.418.441.427	1.638.341.427
Trích lập trong kỳ	4.115.000.000	3.370.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.604.269.073)	(1.352.600.000)
Số dư cuối kỳ	<u>5.929.172.354</u>	<u>3.655.741.427</u>

5.15. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 6.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	90.000	4.955	6.000	8	348	72.980	174.291
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	22.042	22.042
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	(3.545)	(3.545)
Tặng khác	-	-	-	31	47	-	78
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	(11.700)	(11.700)
Trích lập quỹ	-	-	1.000	-	-	(4.370)	(3.370)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	90.000	4.955	7.000	39	395	75.407	177.796
Lợi nhuận 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	14.594	14.594
Tặng khác	-	-	-	5	-	3.902	3.907
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.300)	(6.300)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	90.000	4.955	7.000	44	395	87.603	189.997
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	13.044	13.044
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	(11.700)	(11.700)
Giảm khác	-	-	-	(8)	68	(1.104)	(1.044)
Trích lập quỹ	-	-	1.000	-	-	(5.115)	(4.115)
Số dư cuối kỳ này	90.000	4.955	8.000	36	463	82.728	186.182

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.		

5.16.3. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	7.200.000.000	12.053.878.000

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	13.043.562.123	22.041.747.245
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.115.000.000)	(3.370.000.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS)	992	1.997

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.495.410,04	1.792.282,00



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢN KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Dịch vụ hàng không	70.564.001.728	76.939.126.471
Dịch vụ đường biển	38.461.046.843	43.052.803.899
Dịch vụ logistics	51.825.965.188	41.954.289.086
Chi nhánh Hà Nội	133.785.662.813	157.723.442.146
Chi nhánh Hải Phòng	25.138.494.313	24.544.603.372
Công ty con	7.796.675.754	2.779.833.460
Cộng	<u>327.571.846.639</u>	<u>346.994.098.434</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 6.10:

Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	211.571.467	436.540.951
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	332.610.667	322.888.589
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan)	190.210.795	122.978.396
Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	28.437.270	31.621.767
Cộng	<u>762.830.199</u>	<u>914.029.703</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn phòng hàng không	64.376.189.352	72.842.009.207
Giá vốn phòng đường biển	34.483.094.717	38.419.733.549
Giá vốn phòng logistics	50.481.468.653	38.673.388.544
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	132.269.151.098	154.727.996.210
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	25.031.747.542	23.967.688.543
Giá vốn Công ty con	3.801.184.395	1.290.120.695
Cộng	<u>310.442.835.757</u>	<u>329.920.936.748</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.606.490.812	2.490.996.110
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.320.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.718.829.498	2.404.997.891
Cộng	<u>3.325.320.310</u>	<u>6.215.994.001</u>

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

6.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết	4.439.889.763	10.152.382.946
Cộng	<u>4.439.889.763</u>	<u>10.152.382.946</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.844.793.019	3.288.982.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.291.593.769	2.207.011.041
<i>Tiền điện</i>	523.393.370	671.966.147
<i>Cước điện thoại</i>	123.920.185	131.169.111
<i>Công tác phí</i>	181.054.184	127.085.201
<i>Khác</i>	1.463.226.030	1.276.790.582
Các khoản chi phí QLDN khác	1.010.544.536	1.144.984.990
Cộng	<u>7.146.931.324</u>	<u>6.640.978.100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	25.156.539.094	21.658.446.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.522.579.122	1.567.563.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.082.787.645	254.028.431.393
Chi phí khác bằng tiền	65.827.861.219	59.307.473.463
Cộng	<u>317.589.767.080</u>	<u>336.561.914.848</u>

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế	2.183.833.183	1.959.517.239
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.183.833.183</u>	<u>1.959.517.239</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6.9. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác: bao gồm Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	160.851	161.946	133.786	157.723	32.935	27.325	-	-	327.572	346.994
Giữa các bộ phận	3.100	905	-	-	703	477	(3.803)	(1.382)	-	-
Cộng	163.951	162.851	133.786	157.723	33.638	27.802	(3.803)	(1.382)	327.572	346.994

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả của bộ phận	5.851	6.347	1.517	2.995	2.614	1.090	-	-	9.982	10.432
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									9.982	10.432
Thu nhập tài chính									3.325	6.216
Chi phí tài chính									(2.422)	(2.799)
Lợi nhuận khác									(97)	-
Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết									4.440	10.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(2.184)	(1.959)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									13.044	22.042

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	271.325	272.597	50.056	51.981	13.157	40.714	(14.565)	(26.419)	319.973	338.873
Tổng tài sản hợp nhất									319.973	338.873
Nợ phải trả của bộ phận	106.245	113.690	48.316	47.111	12.041	14.494	(32.811)	(26.419)	133.791	148.876
Tổng nợ phải trả hợp nhất									133.791	148.876

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	3.146	814	-	710	-	2	-	-	3.146	1.526
Chi phí khấu hao	912	1.032	285	198	326	338	-	-	1.523	1.568

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**6.10. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
4. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
5. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
7. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu:		
Một số thành viên quản lý chủ chốt - Xem thêm mục 5.5	7.558.347.027	7.558.347.027

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1	762.830.199	914.029.703
Sử dụng dịch vụ	493.217.594	1.287.508.517
Đầu tư góp vốn	900.000.000	-

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị	367.500.000	499.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.348.946.931	1.036.279.000
Cộng	1.716.446.931	1.535.279.000

6.11. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

6.12. Các thông tin khác

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty cổ phần Logistic Vinalink có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 08 năm 2016.



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

